

PHÂN HIỆU TRƯỞNG ĐH KINH TẾ TP.HCM
TẠI TỈNH VINH LONG

ĐẾN Số: 142
Ngày: 12.4.2022
Chuyên: BGA, Phòng, Khoa
Số và ký hiệu HS:

hcl

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học,
hình thức đào tạo chính quy theo hệ thống tín chỉ
tại Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 80/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 4655/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-ĐHKT-HĐT ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Căn cứ Quy chế số 03/QC-ĐHKT-HĐT ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phân hiệu Trường ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long;

Theo đề nghị của Giám đốc Phân hiệu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng đối với các khóa học theo thông báo tuyển sinh sau ngày 03 tháng 5 năm 2021.

Điều 3. Giám đốc Phân hiệu Vĩnh Long, các Trường đơn vị có liên quan, viên chức và toàn thể sinh viên bậc đại học, hình thức đào tạo chính quy chịu trách nhiệm thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: ĐT (3), PHVL.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Sử Đình Thành

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long

(Ban hành kèm theo Quyết định số 852/QĐ-ĐHKT-PHVL ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy học tại Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long (PHVL) (bao gồm Đại học chính quy, Văn bằng 2 Đại học chính quy, Liên thông Đại học chính quy) theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: quy định chung, tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả học tập, xử lý học vụ, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp, các điều khoản khác, tổ chức thực hiện.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (UEH) là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, từng bước tiếp cận với chuẩn mực chất lượng của các trường có trình độ đào tạo tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

3. Đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy theo hệ thống tín chỉ, cho phép sinh viên chủ động lựa chọn học phần đăng ký, nhằm tích lũy từng phần và tiến tới hoàn tất toàn bộ chương trình đào tạo, được cấp văn bằng tốt nghiệp.

Điều 2. Chương trình đào tạo và thời gian học tập

1. Chương trình đào tạo (CTĐT) được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học hoặc học phần (sau đây gọi chung là học phần), trong đó phải có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong trường hợp đào tạo song ngành hoặc ngành chính - ngành phụ, chương trình đào tạo phải thể hiện rõ khối lượng học tập chung và riêng theo từng ngành.

2. Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau. Đối với người đã tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên

cơ sở công nhận, hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong chương trình đào tạo trước.

3. CTĐT phải được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến CTĐT được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho sinh viên.

4. Thời gian đào tạo kế hoạch của một khóa học Đại học chính quy gồm 07 học kỳ chính, tương đương 3,5 năm học, được gọi là thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa. Tùy theo khả năng, sinh viên có thể tự sắp xếp để rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập ở trường. Tổng thời gian học sinh viên được phép kéo dài tối đa, gọi tắt là thời gian đào tạo tối đa, là 14 học kỳ chính (07 năm học) tính từ khi sinh viên nhập học. Các học kỳ sinh viên nghỉ học tạm thời (nếu có) được tính chung vào thời gian đào tạo tối đa, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 18. Đối với sinh viên học liên thông đã được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy, thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa giảm tương ứng với khối lượng được miễn trừ.

Điều 3. Các định nghĩa

1. Khóa học, năm học và học kỳ

a) Khóa học là thời gian để sinh viên hoàn thành một CTĐT cụ thể. Thời gian khóa học của từng CTĐT có thể được thiết kế khác nhau.

b) Năm học ở UEH gồm 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè).

c) Học kỳ là khoảng thời gian nhất định gồm một số tuần dành cho hoạt động giảng dạy, học tập và đánh giá kiến thức (kiểm tra, thi kết thúc học phần, ...).

- Học kỳ chính gồm 15-17 tuần dành cho các hoạt động giảng dạy, học tập và 2-4 tuần dành cho việc đánh giá tập trung.

- Học kỳ phụ gồm 5-6 tuần dành cho các hoạt động giảng dạy, học tập và 1-2 tuần dành cho việc đánh giá tập trung.

d) Hàng năm, Hiệu trưởng ban hành Khung thời gian đào tạo bao gồm thời gian tiến hành các hoạt động học tập giảng dạy, lịch tổ chức đánh giá trong mỗi học kỳ, thời gian nghỉ lễ, Tết ...

e) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy trong khoảng từ 06 giờ đến 20 giờ các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 7. Thời gian tổ chức những hoạt động đặc thù của CTĐT được thực hiện theo quy định của UEH, nhưng không vượt quá 21g10.

2. Tín chỉ

a) Tín chỉ (TC) là đơn vị dùng để đo lường khối lượng kiến thức, kỹ năng và kết quả học tập đã tích lũy được trong một khoảng thời gian nhất định.

b) Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành hoặc thảo luận; 45-90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp.

c) Một tiết học được tính bằng 50 phút.

3. Học phí theo học kỳ

a) Học phí theo học kỳ được xác định theo số học phần được sinh viên đăng ký trong học kỳ và bằng tổng số tín chỉ của các học phần nhân với mức học phí của một tín chỉ.

b) Mức học phí do Hiệu trưởng quy định cho từng bậc học và từng hệ đào tạo của học kỳ tương ứng.

4. Học phần

a) Học phần là đơn vị cấu thành CTĐT, tập hợp những tri thức về một lĩnh vực chuyên môn và được tổ chức giảng dạy trọn vẹn trong một học kỳ. Hoạt động học tập giảng dạy mỗi học phần bao gồm một hay kết hợp một trong các hình thức sau:

- Giảng dạy lý thuyết - tổ chức thành các lớp học phần;
- Giảng dạy, hướng dẫn thực hành, bài tập - tổ chức theo lớp hay theo từng nhóm;
- Hướng dẫn thực tập, thực tập tốt nghiệp tại các cơ sở bên ngoài;
- Hướng dẫn tiểu luận và khóa luận tốt nghiệp.

b) Học phần có mã số riêng và số tín chỉ xác định. Mỗi học phần đều có đề cương chi tiết thể hiện các nội dung: giới thiệu tóm tắt học phần; các học phần tiên quyết, học phần trước; cách đánh giá học phần; nội dung chính các chương mục; các giáo trình, tài liệu tham khảo;... Đề cương chi tiết được Khoa/Viện đào tạo phê duyệt và công bố cùng với CTĐT. Nội dung đề cương chi tiết được giảng viên thông báo tới người học trong buổi học đầu tiên của học phần.

5. Học phần bắt buộc

Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

6. Học phần tự chọn

Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc theo nhu cầu cá nhân để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

7. Học phần tương đương, học phần thay thế

a) Học phần tương đương là học phần thuộc CTĐT của một khóa khác hay ngành khác đang tổ chức đào tạo tại trường được phép tích lũy để thay cho học phần trong CTĐT của ngành đào tạo.

b) Học phần thay thế được sử dụng khi học phần có trong CTĐT không còn tổ chức giảng dạy và được thay thế bằng một học phần khác đang còn tổ chức giảng dạy. Học phần thay thế có thể được áp dụng trong trường hợp thay thế cho học phần Thực tập và tốt nghiệp.

c) Các học phần tương đương hoặc học phần thay thế do Khoa/Viện quản lý CTĐT đề xuất, được áp dụng cho tất cả các khóa, các ngành hoặc chỉ được áp dụng hạn chế cho một số khóa-ngành.

8. Học phần tiên quyết

Học phần A là học phần tiên quyết của học phần B, khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học phần B là sinh viên đã tích lũy học phần A.

9. Học phần trước

Học phần A là học phần trước của học phần B, khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên đã đăng ký học học phần A. Sinh viên được phép học học phần B sau khi đã học xong học phần A.

10. Lớp học phần

Lớp học phần được gán mã số riêng, tập hợp các sinh viên cùng đăng ký một học phần, có cùng thời khoá biểu trong cùng một học kỳ. Số lượng sinh viên của lớp học phần được giới hạn bởi sức chứa của phòng học/phòng thực hành hoặc được sắp xếp theo các yêu cầu riêng đặc thù của học phần.

Đối với học phần lý thuyết, số lượng tối thiểu để xem xét mở lớp là 30 sinh viên. Đối với lớp học phần không đủ số lượng sinh viên tối thiểu theo quy định, Trường xem xét, quyết định tổ chức hình thức dạy và học phù hợp.

11. Lớp sinh viên

Lớp sinh viên được gán mã lớp riêng, là lớp học cố định được tổ chức cho những sinh viên có cùng khóa học, ngành/chuyên ngành đào tạo.

12. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình giáo dục.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 4. Thông tin đào tạo dành cho sinh viên

1. Sau khi nhập học, sinh viên được cung cấp các thông tin:

a) Kho tri thức UEH.

b) Các văn bản pháp quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường liên quan đến học tập của sinh viên.

c) Chương trình đào tạo của khóa học.

d) Các nghĩa vụ và quyền lợi cơ bản của sinh viên.

2. Để chuẩn bị một học kỳ mới, sinh viên được thông báo các thông tin sau:

a) Kế hoạch tổ chức giảng dạy học kỳ, danh sách các học phần và thời khóa biểu dự kiến các học phần được mở trong học kỳ.

b) Mức học phí.

c) Các thay đổi (nếu có) trong xử lý học vụ, trong CTĐT các khóa học.

d) Các thông tin hướng dẫn cần thiết khác để sắp xếp kế hoạch học tập.

3. Khi bắt đầu học một học phần, sinh viên được giảng viên giới thiệu đề cương chi tiết, được hướng dẫn về mục đích yêu cầu của học phần, phương pháp học, hình thức kiểm tra đánh giá, danh sách các giáo trình, tài liệu tham khảo liên quan phục vụ cho việc học tập học phần đó.

Điều 5. Tổ chức giảng dạy và học tập

1. Yêu cầu về tổ chức giảng dạy và học tập

a) Phát huy năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên, phù hợp với quy định về chế độ làm việc của giảng viên. Giảng viên tham gia giảng dạy phải thỏa điều kiện theo yêu cầu của mỗi CTĐT.

b) Phát huy vai trò chủ động đồng thời đề cao trách nhiệm của sinh viên, tạo điều kiện và động lực để sinh viên nỗ lực học tập; giữ vững kỷ cương học đường, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

c) Có cơ chế thanh tra, giám sát nội bộ và có hệ thống cải tiến chất lượng dựa trên thu thập, đánh giá ý kiến phản hồi của người học. Trong đó, việc lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với tất cả các lớp học và việc công khai ý kiến phản hồi của người học, bao gồm nội dung, mức độ, hình thức công khai.

2. Dạy và học trực tuyến

a) UEH tổ chức các lớp học phương thức trực tuyến theo quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học phương thức trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học phương thức trực tiếp.

b) Đối với đào tạo theo hình thức chính quy, tối đa 30% tổng khối lượng của CTĐT được thực hiện bằng lớp học trực tuyến. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, cơ sở đào tạo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 6. Trách nhiệm của sinh viên trong học tập

1. Tìm hiểu, nghiên cứu để nắm vững CTĐT của ngành/chuyên ngành đào tạo, kế hoạch học tập mỗi học kỳ và những quy định, chế độ liên quan của trường. Khi cần thiết,

sinh viên liên lạc với Cố vấn học tập, Khoa/Viện đào tạo, các phòng ban chức năng hoặc giảng viên giảng dạy học phần để được hướng dẫn và giúp đỡ.

2. Thường xuyên theo dõi các thông báo, đọc kỹ các tài liệu hướng dẫn mỗi học kỳ để thực hiện các công việc học vụ theo đúng trình tự và đúng thời hạn.

3. Thực hiện đăng ký học mỗi học kỳ theo đúng quy định, quy trình.

4. Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc tất cả các yêu cầu của học phần đã đăng ký; tham dự các kỳ kiểm tra, đánh giá và thi kết thúc học phần theo đúng lớp học phần đã đăng ký.

5. Bảo mật các thông tin cá nhân, tài khoản cá nhân được trường cung cấp.

Điều 7. Tổ chức đăng ký học phần

1. Trước mỗi học kỳ, sinh viên theo dõi thời gian đăng ký học phần theo từng khóa học trên Cổng thông tin của Phân hiệu.

2. Trong thời gian đăng ký học phần, sinh viên đăng nhập vào tài khoản cá nhân và thực hiện đăng ký học theo nguyên tắc và quy trình sau:

a) Sinh viên kiểm tra các học phần đã được đăng ký và điều chỉnh đăng ký (trong trường hợp sinh viên đăng ký học lại, học cải thiện, hủy học phần, chuyển lớp học phần).

b) Sinh viên được chủ động đăng ký số tín chỉ tối thiểu, hoặc tối đa trong một học kỳ.

c) Sinh viên bắt buộc phải tuân thủ quy trình “đăng ký và hủy học phần” của Trường.

d) Hình thức đóng học phí theo thông báo của Trường. Sau thời gian quy định, Trường sẽ hủy học phần chưa đóng học phí của sinh viên trong hệ thống.

3. Khối lượng học tập của sinh viên trong mỗi học kỳ chính được quy định như sau:

a) Khối lượng tối thiểu không ít hơn $\frac{2}{3}$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

b) Khối lượng tối đa không vượt quá $\frac{3}{2}$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

c) Đối với sinh viên học cùng lúc hai CTĐT, không áp dụng khối lượng học tập tối đa trong một học kỳ.

Điều 8. Học lại và cải thiện điểm

1. Học lại

a) Đối với học phần bắt buộc có điểm học phần không đạt, sinh viên bắt buộc phải đăng ký học lại khi học phần đó được tổ chức giảng dạy.

b) Đối với học phần tự chọn có điểm học phần không đạt, sinh viên có quyền chọn đăng ký học lại chính học phần đó hoặc lựa chọn học các học phần tự chọn khác cùng nhóm để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ.

c) Trường hợp sinh viên đăng ký học lại, điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần.

2. Cải thiện điểm

a) Đối với học phần bất kỳ đã có kết quả đạt, sinh viên được phép đăng ký học lại để cải thiện điểm.

b) Trường hợp sinh viên đăng ký học lại để cải thiện điểm, kết quả cao nhất trong các lần học được chọn để tính vào điểm trung bình tích lũy.

3. Thủ tục đăng ký học lại hoặc học cải thiện điểm hoàn toàn giống như thủ tục đăng ký học phần lần đầu. Sinh viên có thể đăng ký vào học kỳ mà học phần có mở lớp.

Điều 9. Xếp hạng năm đào tạo

1. Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

- a) Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;
- b) Trình độ năm thứ hai: $M \leq N < 2M$;
- c) Trình độ năm thứ ba: $2M \leq N < 3M$;
- d) Trình độ năm thứ tư: $3M \leq N < 4M$.

Trong đó, số tín chỉ tích lũy là tổng số tín chỉ của các học phần sinh viên đã đăng ký, đã học và có điểm học phần đạt yêu cầu (kể cả các học phần được bảo lưu, miễn học, miễn thi).

2. Trường hợp xác nhận thông tin sinh viên, năm đào tạo được tính theo năm học trong thời gian đào tạo kế hoạch của khóa học mà sinh viên đang học.

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Điều 10. Đánh giá và tính điểm học phần

1. Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần, đối với các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể chỉ có một điểm đánh giá. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Số lượng các cột điểm thành phần, phương thức đánh giá cho từng điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của học phần. Điểm thành phần của một học phần gồm có hai bộ phận sau:

- Điểm quá trình (có thể bao gồm các điểm như: điểm kiểm tra giữa kỳ; điểm đánh giá quá trình, mức độ tích cực tham gia hoạt động học tập; điểm bài tập lớn, tiểu luận...) chiếm tỷ trọng không quá 70% điểm học phần.

- Điểm kết thúc học phần (điểm thi cuối kỳ...) chiếm tỷ trọng còn lại và không quá 50% nếu theo hình thức đánh giá trực tuyến (Khoản 2 của Điều này).

Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, việc xây dựng các hình thức đánh giá học phần phải có sự linh hoạt giữa các hình thức trực tiếp và trực tuyến.

Phân hiệu Vĩnh Long tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ được tổ chức cho người học chưa dự thi kỳ thi chính (vắng có phép) hoặc có học phần có điểm không đạt ở kỳ thi chính. (trường hợp thi lại, đánh giá lại một điểm thành phần để cải thiện điểm học phần từ không đạt thành đạt; trong trường hợp này, điểm học phần sau khi thi lại, đánh giá lại chỉ được giới hạn ở mức điểm D hoặc điểm C).

Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

2. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần; riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án, khóa luận được thực hiện trực tuyến với trọng số cao hơn khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

- a) Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;
- b) Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và người học;
- c) Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

3. Bảng ghi điểm

a) Bảng ghi điểm là biểu mẫu do Trường phát hành dùng để ghi các cột điểm chính thức của một học phần. Bảng ghi điểm đồng thời là danh sách sinh viên được tham dự quá trình đánh giá một học phần theo từng nhóm, lớp;

b) Mỗi học phần có một hoặc hai cột điểm chính thức. Các cột điểm chính thức được tính từ các điểm thành phần theo tỷ lệ ghi trong đề cương học phần. Các giảng viên giảng dạy học phần chịu trách nhiệm tính và ghi các cột điểm chính thức vào bảng ghi điểm, có xác nhận của lãnh đạo Khoa/Viện đào tạo;

- c) Phòng Đào tạo lưu trữ và kiểm tra bảng ghi điểm gốc của các học phần.

4. Điểm học phần

a) Điểm cuối cùng để đánh giá một học phần được gọi là điểm học phần. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân (theo thang điểm 10). Sau đó, điểm học phần được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4, theo bảng sau:

Bảng 1: Bảng điểm quy đổi từ thang điểm 10 sang thang điểm chữ và thang điểm 4

- Loại đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 9,0 đến 10	A ⁺	4,0
2	Từ 8,5 đến 8,9	A	4,0
3	Từ 8,0 đến 8,4	B ⁺	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
5	Từ 6,5 đến 6,9	C ⁺	2,5
6	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
7	Từ 5,0 đến 5,4	D ⁺	1,5

- Loại không đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 4,0 đến 4,9	D	1,0
2	Từ 3,0 đến 3,9	F ⁺	0,5
3	Dưới 3,0	F	0,0

b) Trường hợp sinh viên có điểm quá trình hoặc điểm kết thúc học phần là vắng (không có điểm) hoặc điểm 0 (điểm không) thì điểm học phần chỉ được tính tối đa là 4,9 theo thang điểm 10 (điểm không đạt).

Điều 11. Các điểm đặc biệt

Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra (vắng thi có phép);

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

M: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

P: Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập. Điểm P đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10.

Điều 12. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của CTĐT mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khoá học;

b) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

c) Điểm trung bình tích lũy (theo học kỳ, năm học, hoặc tính từ đầu khóa học) của những học phần mà sinh viên đã học được tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó, theo công thức sau:

$$\text{Điểm trung bình tích lũy} = \frac{\sum(\text{Điểm học phần} \times \text{Số tín chỉ của học phần})}{\text{Tổng số tín chỉ của các học phần}}$$

2. Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số thang điểm 4 được quy định Bảng 1 tại Điều 10 của quy định này.

3. Những điểm chữ không được quy định tại Bảng 1 tại Điều 10 không được tính vào các điểm trung bình học kỳ, năm học hoặc tích lũy. Những học phần không nằm trong yêu cầu của CTĐT không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

4. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình tích lũy (theo học kỳ, năm học, hoặc tính từ đầu khóa học) như sau:

Bảng 2. Thang điểm xếp loại học lực theo điểm trung bình tích lũy

TT	Thang điểm 4	Xếp loại
1	Từ 3,6 đến 4,0	Xuất sắc
2	Từ 3,2 đến cận 3,6	Giỏi
3	Từ 2,5 đến cận 3,2	Khá
4	Từ 2,0 đến cận 2,5	Trung bình
5	Từ 1,0 đến cận 2,0	Yếu
6	Dưới 1,0	Kém

5. Điểm trung bình tích lũy và số tín chỉ tích lũy là cơ sở để đánh giá chung về tiến độ học tập và học lực của sinh viên trong quá trình học tại trường, đồng thời là cơ sở xếp hạng khi tốt nghiệp.

Điều 13. Xét chuyển điểm và miễn học học phần

1. Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một CTĐT khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được UEH xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong CTĐT theo học.

2. Trên cơ sở ý kiến của các Khoa/Viện phụ trách chương trình đào tạo, Hội đồng chuyên môn của Phân hiệu (Bao gồm Ban Giám đốc, trưởng phòng Đào tạo, trưởng Khoa quản lý chương trình đào tạo liên quan tại Phân hiệu) xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình theo các cấp độ:

- a) Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;
- b) Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần;
- c) Công nhận, chuyển đổi theo cả CTĐT.

3. Việc xét chuyển điểm, công nhận kết quả học tập, chuyển đổi tín chỉ và miễn học phần thực hiện theo Quy định hiện hành của UEH.

4. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của CTĐT.

Điều 14. Phúc khảo điểm

1. Đối với điểm quá trình, sinh viên liên hệ trực tiếp với giảng viên giảng dạy khi công bố điểm trên lớp hoặc khi điểm học phần được cập nhật trong tài khoản của sinh viên.

2. Để phúc khảo điểm kết thúc học phần, sinh viên nộp giấy đề nghị phúc khảo theo quy trình của Phòng Kế hoạch Đào tạo - Khảo thí.

3. Khi phát hiện có sai lệch giữa điểm trong bảng ghi điểm đã công bố và điểm được nhập, lưu trữ trong hệ thống quản lý, sinh viên có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Phòng Đào tạo kiểm tra lại các cột điểm tương ứng.

Điều 15. Thông báo điểm và xác nhận kết quả học tập

1. Điểm quá trình được giảng viên thông báo cho sinh viên trước khi kết thúc học phần. Sinh viên truy cập vào cổng thông tin dành cho sinh viên để kiểm tra kết quả học tập gồm điểm thành phần và điểm học phần của mỗi học phần.

2. Trong quá trình học, sinh viên có quyền đề nghị Phòng Đào tạo cấp bảng điểm chính thức của một hay nhiều học kỳ đã học để phục vụ nhu cầu cá nhân. Bảng điểm này ghi kết quả học tập (đạt hoặc không đạt) của tất cả các học phần mà sinh viên có đăng ký trong học kỳ.

Chương IV. XỬ LÝ HỌC VỤ

Điều 16. Cảnh báo học tập

Cuối mỗi học kỳ chính, sinh viên được cảnh báo học tập dựa trên một số điều kiện như sau:

- a) Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng kí học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24;
- b) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo;
- c) Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,2 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất, dưới 1,4 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai, dưới 1,6 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba dưới 1,8 đối với sinh viên các năm tiếp theo.

Điều 17. Điều kiện để tiếp tục học tập

Các sinh viên được tiếp tục học tập, nếu có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Còn thời gian để theo học tại Trường;
- b) Không bị buộc thôi học.

Điều 18. Nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập

1. Đối tượng: Sinh viên còn trong thời gian đào tạo kế hoạch của khóa học có nhu cầu nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;
- b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;
- c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;
- d) Vì lý do cá nhân khác nhưng đã phải học tối thiểu 01 học kỳ ở cơ sở đào tạo và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Sinh viên được giải quyết nghỉ tối đa không quá 02 học kỳ chính cho một lần nộp hồ sơ nghỉ học tạm thời. Thời gian nghỉ học tạm thời được tính vào tổng thời gian học được phép kéo dài tối đa của sinh viên, trừ trường hợp được điều động vào lực lượng vũ trang.

Điều 19. Thôi học

1. Thôi học theo yêu cầu

Trường ra quyết định cho phép nghỉ học, xóa tên khỏi danh sách nếu sinh viên có giấy đề nghị thôi học với lý do rõ ràng, hợp lệ.

2. Buộc thôi học

Trường sẽ ban hành quyết định buộc thôi học đối với sinh viên vi phạm một trong các trường hợp sau:

- a) Bị cảnh cáo học tập quá 02 lần liên tiếp hoặc bị cảnh cáo hơn 03 lần trong một khóa học;
- b) Nghỉ học liên tục từ 02 học kỳ chính trở lên mà không có lý do chính đáng;
- c) Đã hết thời gian đào tạo tối đa, sinh viên vẫn chưa hội đủ điều kiện để tốt nghiệp;
- d) Vi phạm kỷ luật đến mức phải buộc thôi học.

Điều 20. Xử lý vi phạm đối với sinh viên

1. Sinh viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm theo các quy định của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Người học sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ.

Điều 21. Thu nhận lại

1. Đối tượng: Sinh viên thuộc diện nghỉ học tạm thời theo quy định tại Điều 18 hoặc thuộc diện nghỉ học liên tục từ 02 học kỳ chính có lý do chính đáng, hoặc do vi phạm kỷ luật, có nhu cầu nhập học lại tại Trường.

2. Giấy đề nghị học lại (kèm theo hồ sơ minh chứng nếu có) nộp tại Phòng Đào tạo để trình Hiệu trưởng ra quyết định thu nhận lại.

Chương V

CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Điều 22. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

1. Sinh viên được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp bậc đại học, loại hình đào tạo chính quy nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;
- b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. Mỗi học kỳ chính, Hội đồng xét tốt nghiệp bậc đại học, loại hình đào tạo chính quy tiến hành xem xét và thông qua danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Dựa trên đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận tốt nghiệp.

3. Sinh viên tốt nghiệp được nhận Bằng cử nhân và Phụ lục văn bằng trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận tốt nghiệp. Trên Phụ lục văn bằng ghi thông tin sinh viên, thông tin về văn bằng, hình thức đào tạo chính quy, các thông tin về ngành đào tạo, chi tiết tất cả kết quả học tập của sinh viên theo từng học phần.

4. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh hoặc Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 03 năm tính từ khi bị buộc thôi học theo Khoản 2 Điều 19, được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

Điều 23. Xếp hạng tốt nghiệp

1. Xếp hạng tốt nghiệp cho sinh viên được xem xét dựa trên Thang điểm xếp loại học lực theo điểm trung bình tích lũy (Bảng 2 - Điều 12) và điểm trung bình tích lũy toàn khóa của sinh viên khi tốt nghiệp;

2. Hạng tốt nghiệp của sinh viên có kết quả học tập toàn khóa loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a) Có số tín chỉ của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn CTĐT;
- b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

Chương VI

CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 24. Học chương trình đào tạo thứ hai

1. Hình thức đào tạo chương trình thứ hai

a) Hình thức đào tạo song ngành

- Đào tạo song ngành là hình thức sinh viên đăng ký học thêm một ngành thứ hai khác với ngành đang theo học (chương trình đào tạo thứ nhất).

- Khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thứ hai, sinh viên được cấp bằng cử nhân với ngành tốt nghiệp khác với ngành học ở chương trình đào tạo thứ nhất. Phụ lục văn bằng tốt nghiệp thể hiện ngành/chuyên ngành thứ hai sinh viên theo học.

b) Hình thức đào tạo song chuyên ngành

- Đào tạo song chuyên ngành là hình thức sinh viên đăng ký học thêm một chuyên ngành thứ hai khác với chuyên ngành thứ nhất đang theo học (hai chuyên ngành thuộc cùng một ngành đào tạo).

- Sinh viên được chuyển điểm học phần Thực tập và Tốt nghiệp từ chuyên ngành thứ nhất sang chuyên ngành thứ hai.

- Khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thứ hai, sinh viên được cấp bằng cử nhân với ngành tốt nghiệp giống với ngành học ở chương trình đào tạo thứ nhất. Phụ lục văn bằng tốt nghiệp thể hiện chuyên ngành sinh viên thứ hai sinh viên theo học.

2. Điều kiện đăng ký

Sinh viên được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên không thuộc diện vi phạm kỷ luật và phải đáp ứng 01 trong 02 điều kiện sau:

a) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;

b) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh.

3. Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình tích lũy của chương trình thứ nhất đạt dưới điểm trung bình hoặc thuộc diện cảnh báo kết quả học tập thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo; sinh viên sẽ bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai.

4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

5. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và đã đăng kí muộn nhất 02 năm trước thời điểm xét tốt nghiệp chương trình thứ hai.

Điều 25. Sinh viên chuyển trường

Sinh viên được xem xét chuyển trường khi có đủ các điều kiện sau.

1. Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo Quy định này;

2. Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến;

3. Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

4. Được sự đồng ý của hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi và cơ sở đào tạo xin chuyển đến;

5. Sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cần thiết phải chuyển trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

6. Sinh viên không thuộc diện đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

Điều 26. Sinh viên chuyển ngành, chuyển nơi học

Sinh viên được xem xét chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác, hoặc một phân hiệu khác của cơ sở đào tạo, hoặc từ phân hiệu về trụ sở chính khi có đủ các điều kiện sau:

1. Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo Quy định này;

2. Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo, của trụ sở chính (hoặc phân hiệu) trong cùng khóa tuyển sinh;

3. Cơ sở đào tạo, trụ sở chính (hoặc phân hiệu) có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

4. Được sự đồng ý của trường các đơn vị chuyên môn phụ trách chương trình, ngành đào tạo (Lãnh đạo các Khoa/Viện đào tạo), người phụ trách phân hiệu (nơi chuyển đi và chuyển đến) và của Hiệu trưởng.

Điều 27. Trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo

1. UEH xây dựng và ban hành quy định về việc công nhận lẫn nhau về quy trình đào tạo, nội dung đào tạo và giá trị của tín chỉ làm căn cứ cho phép sinh viên của cơ sở đào tạo này được học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác và ngược lại (nếu có). Quy định của UEH về điều kiện trao đổi sinh viên, hợp tác đào tạo, việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên khi thực hiện CTĐT (nếu có) được công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường.

2. Trên cơ sở đánh giá và công nhận lẫn nhau, sinh viên của cơ sở đào tạo này có thể đăng ký thực hiện học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác, nếu được hiệu trưởng của hai cơ sở đào tạo đồng ý với số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở đào tạo khác (nếu có) không vượt quá 25% tổng khối lượng của CTĐT;

3. Trong hợp tác đào tạo giữa các cơ sở đào tạo, việc đánh giá và công nhận lẫn nhau số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở phối hợp đào tạo khác không vượt quá 25% tổng khối lượng của CTĐT.

Điều 28. Học liên thông đối với người có văn bằng khác

1. Người đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp được dự tuyển và học liên thông lên trình độ đại học theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và quy chế của Trường.

2. Người đã tốt nghiệp đại học, loại hình đào tạo chính quy được dự tuyển và học liên thông để nhận thêm một bằng tốt nghiệp đại học của một ngành đào tạo khác.

3. Người học liên thông thực hiện CTĐT và đăng ký học tập theo kế hoạch chung như các sinh viên khác cùng hình thức đào tạo. Trên cơ sở công nhận và chuyển đổi tín chỉ, sinh viên được miễn trừ các học phần tương ứng với những khối lượng học tập đã tích lũy theo Điều 13 của Quy định này.

4. UEH quy định chi tiết điều kiện, thủ tục tiếp nhận học liên thông; việc công nhận, chuyển đổi tín chỉ và miễn trừ học phần cho sinh viên liên thông dựa trên nguyên tắc công bằng, minh bạch với mọi đối tượng, bảo đảm chặt chẽ yêu cầu về chất lượng, áp dụng chuẩn đầu ra chung như đối với những sinh viên khác.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng đối với các khóa học thông báo tuyển sinh sau ngày 03 tháng 5 năm 2021. Trường các đơn vị có liên quan, viên chức và toàn thể sinh viên bậc đại học, hình thức đào tạo chính quy chịu trách nhiệm thi hành quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, các đơn vị gửi ý kiến về Phòng Đào tạo để tổng hợp, trình Hiệu trưởng xem xét quyết định.//



HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Sử Đình Thành